

Số: 1652/UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 4 năm 2021

V/v bổ sung giá đất trong
Bảng giá đất tại các tuyến
đường, khu dân cư, khu đô
thị, khu tái định cư
trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 28/4/2020 của HĐND tỉnh khóa XII kỳ họp thứ 18 về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024); xét đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 6042/UBND-TN ngày 11/12/2020, UBND huyện Tư Nghĩa tại Công văn số 2863/UBND ngày 11/12/2020, UBND huyện Mộ Đức tại Công văn số 1235/UBND-NC ngày 25/12/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn: Số 777/STNMT-QLĐĐ ngày 09/3/2021 và số 1361/STNMT-QLĐĐ ngày 09/4/2021 về việc áp dụng vị trí, giá đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh; để đảm bảo kịp thời trong công tác chuyển thông tin địa chính xác định nghĩa vụ tài chính về đất tại các địa phương, UBND tỉnh thống nhất và đề nghị Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến đối với việc quy định bổ sung giá đất trong Bảng giá đất tại các tuyến đường, khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Thành phố Quảng Ngãi

1. Khu đô thị mới Phú Mỹ - xã Nghĩa Đông

Đường có mặt cắt từ 12m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Phú Mỹ: Vị trí 2, khu vực 1, mức giá 3.600 nghìn đồng/m².

2. Khu dân cư Sơn Tịnh - xã Tịnh Ấn Đông

- Đất mặt tiền đường có mặt cắt từ 20,5m trở lên thuộc Khu dân cư Sơn Tịnh: Vị trí 1, khu vực 1, mức giá 3.000 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu dân cư Sơn Tịnh: Vị trí 2, khu vực 1, mức giá 2.400 nghìn đồng/m².

3. Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 1) – Xã Nghĩa Phú

Đất mặt tiền đường có mặt cắt từ 12,5m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 1): Vị trí 5, khu vực 1, mức giá 1.200 nghìn đồng/m².

4. Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 2) – Xã Nghĩa Phú

- Đất mặt tiền đường có mặt cắt 21m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 2): Vị trí 4, khu vực 1, mức giá 1.500 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường có mặt cắt từ 15,5m đến 17,5m thuộc Khu đô thị mới Nghĩa Phú (phân khu 2): Vị trí 5, khu vực 1, mức giá 1.200 nghìn đồng/m².

5. Khu tái định cư Vĩnh Thọ - Xã Nghĩa Phú

- Đất mặt tiền đường dẫn Cầu Cửa Đại có lộ giới rộng 40m (tiếp giáp về phía đông Khu tái định cư Vĩnh thọ): Vị trí 2, khu vực 1, mức giá 2.400 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường có lộ giới rộng 12m thuộc Khu tái định cư Vĩnh thọ: Vị trí 4, khu vực 1, mức giá 1.500 nghìn đồng/m².

II. Huyện Tư Nghĩa:

1. Khu dân cư khu đô thị An Điền Phát - Thị trấn La Hà

- Đất mặt tiền đường Bích Khê thuộc Khu dân cư khu đô thị An Điền Phát: Vị trí 4, đường loại 2, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường Thái Thù, Nguyễn Duy Cung, Nguyễn Công Phương và các tuyến đường nội bộ còn lại thuộc Khu dân cư khu đô thị An Điền Phát: Vị trí 5, đường loại 2, mức giá 1.500 nghìn đồng/m².

2. Khu dân cư phía Bắc UBND huyện - Thị trấn La Hà

Đất mặt tiền đường nội bộ còn lại thuộc Khu dân cư phía Bắc UBND huyện: Vị trí 4, đường loại 2, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

3. Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà - thị trấn La Hà

Đất mặt tiền đường nội bộ còn lại thuộc Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà: Vị trí 5, đường loại 2, mức giá 1.500 nghìn đồng/m².

4. Đất mặt tiền đường Hưng Nguyên - Thị trấn La Hà: Vị trí 4, đường loại 2, mức giá 1.800 nghìn đồng/m²

5. Đất mặt tiền đường La Hà Thạch Trận đoạn từ đường Nguyễn Huệ (QL 1A) đến hết Khu dân cư Đông Bàu Giang – Thị trấn La Hà: Vị trí 4, đường loại 2, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

Đính chính nội dung quy định tuyến đường tại thứ tự số 5 mục C, trang 83 Bảng giá số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh từ “Đất mặt tiền đường La Hà Thạch Trận đoạn từ đường Nguyễn Huệ (QL 1A) đến ngã 3 (đường BTXM trước nhà ông Võ Văn Hoạch – Tổ dân phố 1) thành” thành “Đất mặt tiền đường La Hà Thạch Trận đoạn từ cuối Khu dân cư Đông Bàu Giang đến ngã 3 (đường BTXM trước nhà ông Võ Văn Hoạch – Tổ dân phố 1)”

6. Khu dân cư C19 – Xã Nghĩa Thương

Đất mặt tiền đường nội bộ Khu dân cư C19: Vị trí 5, khu vực 1, mức giá 800 nghìn đồng/m².

7. Đất ở các vị trí khác còn lại – xã Nghĩa Thương: Vị trí 6, khu vực 3, mức giá 100 nghìn đồng/m².

8. Đất mặt tiền đường bê tông xi măng rộng từ 3m đến dưới 5m – xã Nghĩa Hòa: Vị trí 3, khu vực 3, mức giá 150 nghìn đồng/m².

III. Huyện Mộ Đức:

1. Khu dân cư và thương mại – dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức – Xã Đức Tân

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư và thương mại – dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức rộng 18,25m (tuyến số 1): Vị trí 3, khu vực 1, mức giá 3.500 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư và thương mại – dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức rộng 19m (tuyến số 2): Vị trí 6, khu vực 1, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư và thương mại – dịch vụ Bắc Trung tâm thị trấn Mộ Đức rộng 11,5m và 14,5m (tuyến số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11): Vị trí 2, khu vực 2, mức giá 1.000 nghìn đồng/m².

2. Đất mặt tiền đường đất rộng từ 3m đến 6m nối với đường bê tông hoặc nhựa trừ Quốc lộ 1A – Xã Đức Thạnh: Vị trí 2, khu vực 3, mức giá 300 nghìn đồng/m².

3. Đất mặt tiền tuyến đường Trường Mộ Đức II – Nghĩa Lập, đoạn từ QL1A đến giáp ranh giới xã Đức Hiệp – Xã Đức Nhuận: Vị trí 4, khu vực 3, mức giá 200 nghìn đồng/m².

4. Đất mặt tiền đường tránh đông Quốc lộ 1A, đoạn cách Quốc lộ 1A không quá 200m – Xã Đức Phong: Vị trí 5, khu vực 1, mức giá 2.200 nghìn đồng/m².

5. Đất mặt tiền đường tránh đông Quốc lộ 1A, đoạn còn lại thuộc xã Đức Phong – Xã Đức Phong: Vị trí 6, khu vực 1, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

6. Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ phía Nam Thạch Trụ - Xã Đức Lĩnh

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ phía Nam Thạch Trụ có mặt cắt rộng 21m (Tuyến số 6): Vị trí 4, khu vực 1, mức giá 2.500 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ phía Nam Thạch Trụ có mặt cắt rộng 13,5m (Tuyến số 5): Vị trí 5, khu vực 1, mức giá 2.200 nghìn đồng/m².

- Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc dự án Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ phía Nam Thạch Trụ có mặt cắt rộng 12m (Tuyến số 2 và số 4): Vị trí 6, khu vực 1, mức giá 1.800 nghìn đồng/m².

7. Đất mặt tiền đường tuyến Quốc lộ 24 (cũ) – Trường THPT Trần Quang Diệu (Đường BTXM rộng 7m) – Xã Đức Lĩnh: Vị trí 1, khu vực 2, mức giá 1.400 nghìn đồng/m².

8. Đất mặt tiền đường tuyến Quốc lộ 1A (ngõ ông Út) – Nguyễn Hùng (Đường BTXM rộng 3,5m) – Xã Đức Lâm: Vị trí 3, khu vực 2, mức giá 800 nghìn đồng/m².

9. Đất mặt tiền đường tuyến Quốc lộ 1A (ngõ ông Tráng) – giáp đường Quốc lộ 24 đi Đức Tân (Đường BTXM rộng 3,5m) – Xã Đức Lâm: Vị trí 5, khu vực 2, mức giá 500 nghìn đồng/m².

10. Đất mặt tiền đường Bê tông xi măng rộng từ 3m đến dưới 6m hoặc đất mặt tiền đường đất rộng từ 5m trở lên không nối với đường nhựa – Xã Đức Lâm: Vị trí 3, khu vực 3, mức giá 250 nghìn đồng/m².

(Bản chụp các Công văn: Số 777/STNMT-QLĐĐ ngày 09/3/2021, số 1361/STNMT-QLĐĐ ngày 09/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường, số 6042/UBND-TN ngày 11/12/2020 của UBND thành phố Quảng Ngãi, số 2863/UBND ngày 11/12/2020 của UBND huyện Tư Nghĩa, số 1235/UBND-NC ngày 25/12/2020 của UBND huyện Mộ Đức kèm theo)

Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP,
CNXD, NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, KT.bngoc167

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh